

**Mẫu CBTT/SGDHCM-06**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/07/2013 của  
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

**CTCP VẬN TẢI VÀ  
XÉP DỠ HẢI AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2101-2019/CBTT-HATS

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN  
Mã chứng khoán: HAH  
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, số 45, Phố Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: 024.39877515  
Fax: 024.39444022  
Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thị Hồng Nhung  
Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Hải An, km2 đường Đình Vũ, P. Đông Hải, Q. Hải An, TP. Hải Phòng  
Số điện thoại công ty: 0225.3979721  
Fax: 0225.3979718  
Loại thông tin công bố:  24 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

*"Báo cáo Tài chính Quý IV năm 2018" của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/01/2019 tại đường dẫn [www.haiants.vn](http://www.haiants.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo Tài chính Quý IV năm 2018

Người được ủy quyền công bố thông tin



KẾ TOÁN TRƯỞNG  
*Phạm Thị Hồng Nhung*

Số: 2001 -2019/QHCĐ-HATS

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2019

**BẢN GIẢI TRÌNH SỐ LIỆU BCTC QUÝ 4 NĂM 2018**

**Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

Tổ chức niêm yết: **Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An**

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Mã chứng khoán: **HAH**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0103818809 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/05/2009 và cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 15/08/2018.

Chúng tôi xin giải trình số liệu báo cáo tài chính Quý 4 năm nay lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm **25.70%** so với cùng kỳ năm ngoái là do các nguyên nhân sau:

- Sản lượng khai thác hàng xuất nhập khẩu giảm
- Trích lập dự phòng đầu tư và công ty Pan Hải An.

Chúng tôi cam đoan những thông tin giải trình trong bản này là chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Vũ Thanh Hải*

# CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2018

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Hà Nội, tháng 01 năm 2019

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>353,263,018,581</b>	<b>229,122,995,157</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>198,428,446,586</b>	<b>114,378,534,552</b>
1. Tiền	111		54,738,417,482	49,928,549,375
2. Các khoản tương đương tiền	112		143,690,029,104	64,449,985,177
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>113,538,431,908</b>	<b>109,948,803,865</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	30,013,968,207	25,461,451,327
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	953,864,462	738,031,993
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	-	45,000,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	82,735,432,851	38,964,154,157
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(164,833,612)	(214,833,612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>20,208,196,789</b>	<b>2,693,495,269</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	20,208,196,789	2,693,495,269
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>21,087,943,298</b>	<b>2,102,161,471</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	626,423,955	2,099,006,071
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.9	20,461,519,343	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	-	3,155,400
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>754,794,924,703</b>	<b>562,354,628,222</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>46,713,470,000</b>	<b>91,862,721,143</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.11	46,713,470,000	91,862,721,143
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>440,706,178,144</b>	<b>261,957,896,552</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	436,808,596,443	258,912,818,695
Nguyên giá	222		734,585,949,049	507,796,771,981
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(297,777,352,606)	(248,883,953,286)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	3,897,581,701	3,045,077,857
Nguyên giá	228		6,541,325,236	5,026,265,236
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,643,743,535)	(1,981,187,379)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.14</b>	-	<b>5,125,141,591</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	5,125,141,591
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>266,696,649,411</b>	<b>200,456,746,500</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.15	270,622,700,000	200,455,880,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.16	1,200,000,000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.17	866,500	866,500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.18	(5,126,917,089)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>678,627,148</b>	<b>2,952,122,436</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19	678,627,148	2,952,122,436
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,108,057,943,284</b>	<b>791,477,623,379</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>203,296,216,740</b>	<b>146,478,054,678</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>106,180,462,072</b>	<b>126,800,045,508</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.20	14,102,010,865	19,802,727,600
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.21	-	662,466,694
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.22	1,870,019,257	8,156,462,657
4. Phải trả người lao động	314	V.23	7,669,002,603	6,259,445,645
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.24	848,054,540	88,600,911
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.25	676,878,538	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.26	27,002,098,136	54,948,578,249
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.27	34,575,735,486	19,899,406,105
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.28	19,436,662,647	16,982,357,647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>97,115,754,668</b>	<b>19,678,009,170</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.29	97,115,754,668	19,678,009,170
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>904,761,726,544</b>	<b>644,999,568,701</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.30</b>	<b>904,761,726,544</b>	<b>644,999,568,701</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		487,827,510,000	345,078,180,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		487,827,510,000	345,078,180,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		115,606,612,922	58,738,380,922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(14,920,919,678)	(14,920,919,678)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		179,564,070,809	152,064,070,809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		136,684,452,491	104,039,856,648
- LNST chưa phân phối năm trước	421a		32,955,091,648	104,039,856,648
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ này	421b		103,729,360,843	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,108,057,943,284</b>	<b>791,477,623,379</b>

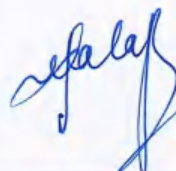
Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Nhung

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

(Dạng đầu đủ)

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

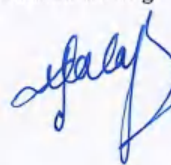
CHỈ TIÊU	Mã số	T. minh	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	138,128,239,727	94,737,575,273	479,693,346,795	451,542,698,498
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		138,128,239,727	94,737,575,273	479,693,346,795	451,542,698,498
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	102,503,329,519	58,607,407,782	361,067,675,650	291,109,452,898
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35,624,910,208	36,130,167,491	118,625,671,145	160,433,245,600
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3,995,604,182	10,320,889,913	15,566,119,108	20,015,483,680
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5,012,115,733	1,083,681,935	9,853,120,282	4,875,194,604
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,281,507,404	584,774,379	3,861,404,237	4,464,105,033
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7,165,671,158	4,986,361,022	23,949,488,434	22,096,923,940
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27,442,727,499	40,381,014,447	100,389,181,537	153,476,610,736
11. Thu nhập khác	31	VI.6	752,390,620	261,019,067	17,367,044,774	1,523,070,929
12. Chi phí khác	32	VI.7	72,673,601	541,940,266	264,741,901	932,029,591
13. Lợi nhuận khác	40		679,717,019	(280,921,199)	17,102,302,873	591,041,338
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28,122,444,518	40,100,093,248	117,491,484,410	154,067,652,074
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2,984,280,069	6,267,085,022	13,762,123,567	16,173,650,197
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25,138,164,449	33,833,008,226	103,729,360,843	137,894,001,877

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Nhung

Lập ngày 30 tháng 01 năm 2019

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	117,491,484,410	154,067,652,074
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	49,555,955,476	59,567,597,999
- Các khoản dự phòng	03	5,126,917,089	(47,533,500)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(182,920,505)	(90,259,655)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(30,081,223,571)	(18,600,433,332)
- Chi phí lãi vay	06	3,861,404,237	4,464,105,033
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	145,771,617,136	199,361,128,619
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(131,572,897,862)	(30,061,942,935)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(17,514,701,520)	(3,352,612,228)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(39,169,714,326)	(57,234,317,215)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	7,205,494,008	9,578,254,595
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3,101,950,608)	(4,589,597,786)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13,168,518,518)	(24,787,385,470)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7,195,695,000)	(8,048,530,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(58,746,366,690)</b>	<b>80,864,997,580</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(226,638,512,081)	(5,516,521,452)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	114,929,735,366	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(213,180,000)	(50,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	45,213,180,000	5,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(71,366,820,000)	(43,572,661,100)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22,932,765,879	7,522,526,807
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(115,142,830,836)</b>	<b>(86,566,655,745)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		199,617,562,000	(50,000,000)
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(4,561,855,500)
3. Tiền thu từ đi vay	33		136,813,861,235	34,414,693,035
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(44,740,086,807)	(65,212,688,986)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(33,934,765,000)	(33,835,015,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>257,756,571,428</b>	<b>(69,244,866,451)</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		83,867,373,902	(74,946,524,616)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	114,378,534,552	189,378,258,842
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		182,538,132	(53,199,674)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>198,428,446,586</b>	<b>114,378,534,552</b>

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 487.827.510.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 30 tháng 3 năm 2017. Ngày 15 tháng 8 năm 2018 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 487.827.510.000 VND

#### 6. Cấu trúc Công ty

##### Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%

##### Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

### **8. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 76 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 81 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết***

#### ***Công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

#### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

#### ***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### ***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết***

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chỉ phí tài chính.

### **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp.

### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

#### ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu***

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

### **8. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### **9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-20
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5
Tài sản cố định khác	4-10

### **10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất,



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

## **11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## **12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

### ***Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát***

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

## **13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **14. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### **15. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### **18. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **21. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	572,975,912	687,364,123
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	54,165,441,570	49,241,185,252
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	143,690,029,104	64,449,985,177
<b>Cộng</b>	<b>198,428,446,586</b>	<b>114,378,534,552</b>

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>270,622,700,000</b>	<b>5,126,917,089</b>	<b>200,455,880,000</b>	-
Công ty TNHH Cảng Hải An (i)	30,000,000,000		30,000,000,000	
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (ii)	101,000,000,000		101,000,000,000	
Công ty TNHH Pan Hải An (iii)	139,622,700,000	5,126,917,089	69,455,880,000	
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>1,200,000,000</b>	-	-	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (iv)	1,200,000,000			
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>866,500</b>	-	<b>866,500</b>	-
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864,000		864,000	
Công ty Cổ phần MHC	2,500		2,500	
<b>Cộng</b>	<b>271,823,566,500</b>	<b>5,126,917,089</b>	<b>200,456,746,500</b>	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101126468 ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Hải An là 30.000.000.000 VND. Công ty đã góp đủ 100% vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 0201655535 ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An số tiền 101.000.000.000 VND, tương ứng 50,5% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201815115 thay đổi lần 2 ngày 21 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Pan Hải An 139.622.700.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo, Công ty đã đầu tư 139.622.700.000 VND.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108111428 ngày 27 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải Hải An 1.200.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### *Giá trị hợp lý*

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### *Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết*

Công ty TNHH Pan Hải An bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường. Công ty liên kết bắt đầu hoạt động kinh doanh đầu năm 2018.

### *Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm		
Trích lập dự phòng bổ sung	5,126,917,089	
Hoàn nhập dự phòng		
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5,126,917,089</b>	-

### *Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty TNHH Cảng Hải An (HAP)</b>		
Cung cấp dịch vụ khai thác cảng cho HAP		85,820,761,196
Thu lại doanh thu hoạt động khai thác cảng	212,163,061,269	
Mua hệ phần mềm cho HAP		301,050,000
Cảng Hải An cung cấp dịch vụ khai thác cảng		4,308,500,098
Phải trả Cảng Hải An phí quản lý	40,043,445,229	
Cảng Hải An cung cấp dịch vụ khai thác tàu		16,163,677,300
Lợi nhuận được chia từ HAP	5,851,817,501	11,271,090,096
Mua nguyên liệu của Cảng Hải An	18,248,484,526	
Cảng Hải An cung cấp dịch vụ khác (chi hộ)	1,614,601,397	
<b>Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (HACT)</b>		
Phải trả HACT về cung cấp dịch vụ khai thác cảng		
Góp vốn điều lệ vào HACT		82,195,480,000
Cung cấp dịch vụ khai thác cảng cho HACT		63,867,960
Cung cấp dịch vụ khai thác tàu cho HACT		516,273,000
Cung cấp dịch vụ vận tải đường bộ cho HACT	9,877,825,000	4,042,050,000
Cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản cho HACT	37,420,135,302	8,238,443,376
HACT cung cấp dịch vụ khai thác tàu	897,200,000	15,325,209,091
HACT cung cấp dịch vụ khai thác cảng	16,515,430,800	
Mua hệ phần mềm cho HACT		2,479,760,000
Chi hộ HACT trong giai đoạn bàn giao BCC		39,457,247,486
Thu hộ HACT trong giai đoạn bàn giao BCC		73,726,499,255
HATS chi hộ HACT	1,756,551,860	

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

HACT chi hộ HATS cho tàu HA Link	219,187,514	
Bàn giao tài sản của BCC cho HACT		172,800,000,000
Thu tiền lãi cho vay từ HACT	912,671,232	915,342,465
Thu hồi gốc vay từ HACT	45,000,000,000	5,000,000,000
Cho HACT vay vốn lưu động		50,000,000,000
Góp vốn theo hợp đồng BCC cho HACT		90,000,000,000
HACT trả tiền góp vốn BCC	45,000,000,000	90,000,000,000
<b>Công ty TNHH Pan Hải An (Pan Hải An)</b>		
Góp vốn vào Pan Hải An	70,166,820,000	69,455,880,000
Cho Pan Hải An vay	213,180,000	
Lãi cho vay	1,340,990	
Cung cấp dịch vụ cho Pan Hải An	244,269,750	
Pan Hải An cung cấp dịch vụ cho hoạt động cảng	19,549,714	
Chi hộ Pan Hải An	519,161,652	
<b>Công ty Cổ phần giao nhận Vận tải Hải An (HAFC)</b>		
Chuyển tiền góp vốn cho HAFC	1,200,000,000	
Cung cấp dịch vụ vận tải đường bộ cho HAFC	96,854,545	
<b>3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b><i>18,451,737,993</i></b>	<b><i>10,352,363,386</i></b>
Công ty TNHH Cảng Hải An	1,201,159,993	8,444,966,195
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	16,257,872,689	
Công ty TNHH Pan Hải An	140,728,284	
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	470,290,100	1,634,794,738
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An		223,000,000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	106,540,000	
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs tại Hải Phòng		
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	3,300,000	9,331,990
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức		5,060,000
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	271,846,927	35,210,463
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b><i>11,562,230,214</i></b>	<b><i>15,109,087,941</i></b>
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ TICO	3,719,043,402	
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ ZIM INTEGRATED SHIPPING (VIỆT NAM)	2,087,159,961	
Chi nhánh công ty cổ phần giao nhận vận tải ngoại thương tại thành phố Hải Phòng		3,158,241,547
PENDULUM EXPRESS LINES PTE LTD		1,759,989,132

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các khách hàng khác	5,756,026,851	10,190,857,262
<b>Cộng</b>	<b>30,013,968,207</b>	<b>25,461,451,327</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
...		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>953,864,462</i>	<i>738,031,993</i>
Tổng công ty bảo đảm An toàn Hàng Hải Miền Bắc	239,222,508	
Cảng vụ hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh	360,533,321	189,789,278
Các nhà cung cấp khác	354,108,633	548,242,715
<b>Cộng</b>	<b>953,864,462</b>	<b>738,031,993</b>

**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Khoản cho Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (là Công ty con) vay, thời hạn vay 12 tháng.

**6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>11,352,453,657</i>	-	<i>18,607,810,042</i>	-
Công ty TNHH Cảng Hải An – Lợi nhuận phải thu	3,577,464,762		13,060,219,987	
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Kết quả hoạt động BCC	7,774,988,895		5,547,590,055	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>71,382,979,194</i>	-	<i>20,356,344,115</i>	-
Lãi tiền gửi dự thu	337,039,158		55,676,895	
Tạm tính doanh thu				
Ký cược, ký quỹ	70,347,872,836		20,134,857,220	
Tạm ứng	555,240,156		165,810,000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	142,827,044			
<b>Cộng</b>	<b>82,735,432,851</b>	-	<b>38,964,154,157</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>45,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>90,000,000,000</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH vận tải container Hải An - Tiền góp vốn hoạt động hợp tác kinh doanh (*)	45,000,000,000		90,000,000,000	
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1,713,470,000</b>	<b>-</b>	<b>1,862,721,143</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	1,713,470,000		1,862,721,143	
<b>Cộng</b>	<b>46,713,470,000</b>	<b>-</b>	<b>91,862,721,143</b>	<b>-</b>

(\*) Phải thu Công ty TNHH Vận tải Container Hải An về vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 về hợp tác góp vốn kinh đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp Đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

**7. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Các bên liên quan</b>						
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>		<b>164,833,612</b>			<b>214,833,612</b>	
Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh – phải thu cung cấp dịch vụ	4 năm	65,089,486		3 năm	65,089,486	
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia – phải thu cung cấp dịch vụ	4 năm	99,744,126		3 năm	99,744,126	
Công ty TNHH K.N.V				3 năm	50,000,000	
<b>Cộng</b>		<b>164,833,612</b>			<b>214,833,612</b>	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	214,833,612	282,367,112
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		
Hoàn nhập dự phòng		



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	(50,000,000)	(67,533,500)
<b>Số cuối năm</b>	<b>164,833,612</b>	<b>214,833,612</b>

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20,125,311,334		2,671,804,360	
Công cụ, dụng cụ	82,885,455		21,690,909	
<b>Cộng</b>	<b>20,208,196,789</b>	<b>-</b>	<b>2,693,495,269</b>	<b>-</b>

**9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm chờ phân bổ	430,667,620	146,361,121
Chi phí sửa chữa		1,776,246,667
Phí đường bộ		121,852,831
Chi phí thuê văn phòng, công cụ dụng cụ,.	195,756,335	54,545,452
<b>Cộng</b>	<b>626,423,955</b>	<b>2,099,006,071</b>

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa thiết bị		26,920,000
Công cụ dụng cụ	424,088,254	2,463,621,878
Bản quyền phần mềm	254,538,894	461,580,558
<b>Cộng</b>	<b>678,627,148</b>	<b>2,952,122,436</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	199,026,384,869	269,417,741,973	17,701,700,239	729,574,546	20,921,370,354	507,796,771,981
Mua trong kỳ	3,064,627,046	3,776,500,000	219,948,050,022			226,789,177,068
Thanh lý, nhượng bán						-
<b>Số cuối năm</b>	<b>202,091,011,915</b>	<b>273,194,241,973</b>	<b>237,649,750,261</b>	<b>729,574,546</b>	<b>20,921,370,354</b>	<b>734,585,949,049</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng						-
Chờ thanh lý						-
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	93,712,628,450	147,752,335,462	5,137,904,437	176,489,585	2,104,595,352	248,883,953,286
Lũy kế khấu hao từ đầu năm đến cuối năm	13,137,243,104	28,293,779,371	5,197,275,595	161,339,226	2,103,762,024	48,893,399,320
Thanh lý, nhượng bán						-
<b>Số cuối năm</b>	<b>106,849,871,554</b>	<b>176,046,114,833</b>	<b>10,335,180,032</b>	<b>337,828,811</b>	<b>4,208,357,376</b>	<b>297,777,352,606</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	105,313,756,419	121,665,406,511	12,563,795,802	553,084,961	18,816,775,002	258,912,818,695
<b>Số cuối năm</b>	<b>95,241,140,361</b>	<b>97,148,127,140</b>	<b>227,314,570,229</b>	<b>391,745,735</b>	<b>16,713,012,978</b>	<b>436,808,596,443</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	4,945,015,236	81,250,000	5,026,265,236
Lũy kế mua từ đầu năm đến cuối năm		1,515,060,000	1,515,060,000
Thanh lý, nhượng bán			-
<b>Số cuối năm</b>	<b>4,945,015,236</b>	<b>1,596,310,000</b>	<b>6,541,325,236</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	1,967,645,709	13,541,670	1,981,187,379
Lũy kế khấu hao từ đầu năm đến cuối năm	141,286,152	521,270,004	662,556,156
Thanh lý, nhượng bán			-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2,108,931,861</b>	<b>534,811,674</b>	<b>2,643,743,535</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	2,977,369,527	67,708,330	3,045,077,857
<b>Số cuối năm</b>	<b>2,836,083,375</b>	<b>1,061,498,326</b>	<b>3,897,581,701</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	4,579,687,046	226,638,512,081	(228,304,237,068)	(2,913,962,059)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	545,454,545			(545,454,545)	-
<b>Cộng</b>	<b>5,125,141,591</b>	<b>226,638,512,081</b>	<b>(228,304,237,068)</b>	<b>(3,459,416,604)</b>	<b>-</b>

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>1,141,434,751</b>	<b>12,834,728,164</b>
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An		12,181,262,955
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	6,607,335	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	1,041,662,731	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	93,164,685	653,465,209
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>12,960,576,114</b>	<b>6,967,999,436</b>
Triton Container International Limited-Colle	2,137,259,433	1,516,247,394
CN Công ty cổ phần phát triển hàng hải tại thành phố Hồ Chí Minh		1,543,300,712

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty TNHH MTV vận tải và dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng	1,448,155,460	
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HẢI HẢI ÂU	1,061,906,308	
Các nhà cung cấp khác	8,313,254,913	3,908,451,330
<b>Cộng</b>	<b>14,102,010,865</b>	<b>19,802,727,600</b>

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>		3,000,000
Công ty Cổ phần Hải Minh		3,000,000
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		659,466,694
Công Ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Phúc Tín		417,380,000
Maersk Line A/S		42,696,997
Các khách hàng khác		199,389,697
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>662,466,694</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1,966,290,774		7,378,989,834	(9,345,280,608)	-	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			22,059,106,847	(22,059,106,847)	-	
Thuế xuất, nhập khẩu		3,155,400	123,052,047	(123,052,047)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,925,606,078		8,801,614,685	(13,168,518,518)	558,702,245	
Thuế thu nhập cá nhân	1,264,565,805		3,173,671,487	(3,126,920,280)	1,311,317,012	
Tiền thuê đất			1,240,166,947	(1,240,166,947)	-	
Các loại thuế khác			106,667,600	(106,667,600)	-	
<b>Cộng</b>	<b>8,156,462,657</b>	<b>3,155,400</b>	<b>42,883,269,447</b>	<b>(49,169,712,847)</b>	<b>1,870,019,257</b>	<b>-</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<b>Quý 4 Năm nay</b>	<b>Quý 4 Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28,122,444,518	40,100,093,248
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	174,740,431	(4,330,634,903)
- Các khoản điều chỉnh tăng	174,740,431	615,242,928
- Các khoản điều chỉnh giảm		(4,945,877,831)
Thu nhập chịu thuế	28,297,184,949	35,769,458,345
Thu nhập được miễn thuế	(628,231,277)	(8,158,454,139)
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế bổ sung quý 4		2,290,764,533
Thu nhập tính thuế	27,668,953,672	29,901,768,739
Trong đó:		
- Hoạt động khai thác cảng được ưu đãi	17,949,487,366	12,151,732,632
- Hoạt động khai thác cảng không được ưu đãi	4,756,769,490	14,244,880,829
- Hoạt động khai thác tàu	4,962,696,816	3,505,155,278
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>5,533,790,734</b>	<b>5,980,353,748</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</b>	<b>(2,692,423,105)</b>	<b>(1,193,796,402)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>		<b>(607,586,632)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>2,841,367,629</b>	<b>4,178,970,714</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>142,912,440</b>	<b>1,094,848,496</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp nhận chia BCC</b>		<b>993,265,812</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2,984,280,069</b>	<b>6,267,085,022</b>
Thuế TNDN các bên hợp tác kinh doanh nộp hộ	(775,189,765)	(993,265,812)
Thuế TNDN phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	69,009,094	
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>2,278,099,398</b>	<b>5,273,819,210</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Tiền thuê đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>848,054,540</b>	<b>88,600,911</b>
Chi phí lãi vay phải trả	848,054,540	88,600,911
<b>Cộng</b>	<b>848,054,540</b>	<b>88,600,911</b>

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan - Lãi hợp tác kinh doanh</b>	-	<b>15,315,794,257</b>
Công ty Cổ phần Transimex		6,254,359,714
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức		4,691,590,569
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		1,615,299,200
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs		2,754,544,774
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>27,002,098,136</b>	<b>39,632,783,992</b>
Công ty Cổ phần MHC - lãi hợp tác kinh doanh		1,900,931,375
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	25,575,794,806	36,338,550,216
Kinh phí công đoàn	103,881,098	17,059,500
BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	39,936,520	7,777,474
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	418,950,000	418,950,000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	863,535,712	949,515,427
<b>Cộng</b>	<b>27,002,098,136</b>	<b>54,948,578,249</b>

**18. Vay ngắn hạn/dài hạn****18a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</b>		
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>5,049,365,476</b>	<b>3,757,962,845</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 (i)	5,049,365,476	3,757,962,845
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>29,526,370,010</b>	<b>16,141,443,260</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng	25,489,271,390	12,188,577,500
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1	4,037,098,620	3,952,865,760
<b>Cộng</b>	<b>34,575,735,486</b>	<b>19,899,406,105</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1 để thanh toán công nợ với thời hạn vay 3 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>Cộng</b>
Số đầu năm	3,757,962,845	16,141,443,260	19,899,406,105
Số tiền vay phát sinh trong năm	29,777,036,235		29,777,036,235
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn		29,401,502,248	29,401,502,248
Tăng/giảm do CLTG		237,877,705	237,877,705
Số tiền vay đã trả trong năm	(28,485,633,604)	(16,254,453,203)	(44,740,086,807)
<b>Số cuối năm</b>	<b>5,049,365,476</b>	<b>29,526,370,010</b>	<b>34,575,735,486</b>

### 18b. Vay dài hạn

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>97,115,754,668</i>	<i>19,678,009,170</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng (ii)	90,584,153,740	9,329,822,390
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 (iii)	6,531,600,928	10,348,186,780
<b>Cộng</b>	<b>97,115,754,668</b>	<b>19,678,009,170</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:  
Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA02/2014/VCB-HA ngày 11 tháng 04 năm 2014 để mua 01 cần trục chân đế Kirow Ardelt GMBH, thời hạn vay 54 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có hệ thống 01 cần trục chân đế Kirow Ardelt GMBH.

Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA/2014/VCB-HA ngày 20 tháng 01 năm 2014 để thanh toán tiền mua 2 xe nâng PPM Terex với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời gian trả nợ gốc 54 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng. Khoản vay được bảo đảm bởi tài sản đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là hệ thống 02 xe nâng PPM Terex.

Hợp đồng tín dụng số 2016/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 06 tháng 9 năm 2016 để tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư tài sản cố định bao gồm lãi nhập gốc; thanh toán bù đắp chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lý, hợp lệ mà đã thanh toán vượt phần vốn tự có phải góp theo quyết định đầu tư đối với Dự án đầu tư hệ thống 10 xe chở Container, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, không ân hạn. Khoản vay được bảo đảm bằng

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thế chấp tài sản bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư của dự án là 10 xe đầu kéo và 10 somi Romooc.

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15 tháng 10 năm 2018 để mua 01 tàu container Haian Link, thời hạn vay 60 tháng, thời gian ân hạn 06 tháng. Khoản vay được bảo đảm bởi tài sản đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là tàu chở container Haian Link.

(iii) Vay ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch 1 theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng cấp tín dụng số 66755.15.002.2486868.TD ngày 25 tháng 10 năm 2015 để thanh toán LC nhập khẩu 2 máy nâng container trục xoay với lãi suất cho vay xác định bằng lãi suất tiết kiệm dân cư USD kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ 2%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng máy móc thiết bị gồm: 01 máy container trục xoay model: TEREX TFC45R, xuất xứ Pháp Series number: 175467, Sản xuất : 2009, nặng 45.000 kg và 01 máy container trục xoay model: DRF420 - 60S, xuất xứ Pháp Series number: A11300405, sản xuất: 2010, nặng 42.000 kg.

Hợp đồng cấp tín dụng số 88928.16.002.2486868.TD ngày 07 tháng 12 năm 2015 để bổ sung nhu cầu vốn trung hạn để nhập container với lãi suất được quy định tại văn bản nhận nợ, thời hạn vay tối đa 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng 300 Container 20 feet và 100 container 40 feet theo hợp đồng ngoại thương số XPCL/Haian 2016-001 ngày 31/10/2016 ký với Xiamen Pacific Container Manufacturing Co.,Ltd.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	29,526,370,010	16,141,443,260
Trên 1 năm đến 5 năm	97,115,754,668	19,678,009,170
Trên 5 năm		
<b>Cộng</b>	<b>126,642,124,678</b>	<b>35,819,452,430</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	19,678,009,170	108,841,311,351
Số tiền vay phát sinh	107,036,825,000	
Tăng do đánh giá CLTG cuối kỳ	(197,577,254)	
Chuyển đổi BCC		(55,797,638,586)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(29,401,502,248)	(33,299,643,871)
Giảm do đánh giá CLTG cuối kỳ		(66,019,724)
<b>Số cuối năm</b>	<b>97,115,754,668</b>	<b>19,678,009,170</b>

#### 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	10,410,013,213	5,515,000,000	(1,461,795,000)	14,463,218,213
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	6,572,344,434	4,135,000,000	(5,733,900,000)	4,973,444,434
<b>Cộng</b>	<b>16,982,357,647</b>	<b>9,650,000,000</b>	<b>(7,195,695,000)</b>	<b>19,436,662,647</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số đầu năm trước	231,962,320,000	58,788,380,922	(10,359,064,178)	131,730,070,809	143,019,479,771	555,141,187,324
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	113,115,860,000	(50,000,000)	-	-	(113,115,860,000)	(50,000,000)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(4,561,855,500)	-	-	(4,561,855,500)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	137,894,001,876	137,894,001,876
Trích lập các quỹ	-	-	-	20,334,000,000	(29,823,000,000)	(9,489,000,000)
Tạm ứng cổ tức năm 2017	-	-	-	-	(33,934,765,000)	(33,934,765,000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>345,078,180,000</b>	<b>58,738,380,922</b>	<b>(14,920,919,678)</b>	<b>152,064,070,809</b>	<b>104,039,856,647</b>	<b>644,999,568,700</b>
Số dư đầu năm nay	345,078,180,000	58,738,380,922	(14,920,919,678)	152,064,070,809	104,039,856,648	644,999,568,701
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	142,749,330,000	56,868,232,000	-	-	-	199,617,562,000
Lợi nhuận lũy kế từ đầu năm cuối kỳ	-	-	-	-	103,729,360,843	103,729,360,843
Trích lập các quỹ	-	-	-	27,500,000,000	(37,150,000,000)	(9,650,000,000)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(33,934,765,000)	(33,934,765,000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>487,827,510,000</b>	<b>115,606,612,922</b>	<b>(14,920,919,678)</b>	<b>179,564,070,809</b>	<b>136,684,452,491</b>	<b>904,761,726,544</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 20b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.782.751	34.507.818
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	48.782.751	34.507.818
- Cổ phiếu phổ thông	48.782.751	34.507.818
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	573.053	573.053
- Cổ phiếu phổ thông	573.053	573.053
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	48.209.698	33.934.765
- Cổ phiếu phổ thông	48.209.698	33.934.765
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 20c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm năm 2018 số 0206-2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 như sau:

	VND
· Chia cổ tức cho các cổ đông	67,869,530,000
Trong đó:	
Tạm ứng cổ tức trong tháng 12/2017	33,934,765,000
Trả cổ tức bằng tiền tháng 6/2018	33,934,765,000
· Trích quỹ đầu tư phát triển	27,500,000,000
· Trích quỹ Hội đồng quản trị	4,135,000,000
· Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,515,000,000

### 21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	642,545.22	744,774.65
Euro (EUR)	40.54	40.54

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	74,184,112,659	35,361,091,198
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	42,534,051,811	40,821,232,901
Doanh thu hoạt động khác	21,410,075,257	18,555,251,174
<b>Cộng</b>	<b><u>138,128,239,727</u></b>	<b><u>94,737,575,273</u></b>

##### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác tàu, khai thác cảng và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	446,300,091	2,400,000
Công ty cổ phần dịch vụ tổng hợp Hải An	192,592,436	
Công ty TNHH Cảng Hải An	53,237,048,836	
Công ty TNHH vận tải container Hải An	12,602,215,714	
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	3,000,000	24,279,548
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	513,032,526	32,076,022

#### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động cảng	49,466,689,456	12,808,747,208
Giá vốn của hoạt động tàu	37,406,644,738	33,893,272,428
Giá vốn của hoạt động khác	15,629,995,325	11,905,388,146
<b>Cộng</b>	<b><u>102,503,329,519</u></b>	<b><u>58,607,407,782</u></b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	2,370,763,967	1,232,313,315
Lãi tiền cho vay	1,340,990	808,493,150
Cổ tức, lợi nhuận được chia	628,231,277	8,158,454,139
Lãi hoạt động đầu tư chứng khoán		42,000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	538,770,076	114,388,908
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	456,497,872	7,198,401
<b>Cộng</b>	<b><u>3,995,604,182</u></b>	<b><u>10,320,889,913</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1,281,507,404	1,080,425,684
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	3,716,221,006	
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	14,387,323	2,738,264
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		517,987
<b>Cộng</b>	<b><u>5,012,115,733</u></b>	<b><u>1,083,681,935</u></b>

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3,651,971,175	2,048,273,159
Chi phí vật liệu quản lý	209,952,058	250,921,620
Chi phí đồ dùng văn phòng	21,922,727	42,266,636
Chi phí khấu hao tài sản cố định	505,800,528	289,694,732
Thuế, phí và lệ phí	35,959,000	20,355,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	757,291,758	1,118,151,413
Các chi phí khác	1,982,773,912	1,216,698,462
<b>Cộng</b>	<b><u>7,165,671,158</u></b>	<b><u>4,986,361,022</u></b>

#### 6. Thu nhập khác

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Tiền bồi thường		240,220,000
Thu nhập khác	752,390,620	20,799,067
<b>Cộng</b>	<b><u>752,390,620</u></b>	<b><u>261,019,067</u></b>

#### 7. Chi phí khác

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Bồi thường tổn thất	44,360,651	178,920,662
Thuế bị phạt, bị truy thu, chi phí khác	28,312,950	363,019,604
<b>Cộng</b>	<b><u>72,673,601</u></b>	<b><u>541,940,266</u></b>

#### 8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp	5,055,307,487	3,831,839,655
<b>Cộng</b>	<b>5,055,307,487</b>	<b>3,831,839,655</b>

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Transimex	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	Thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương	Thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (HAAL)</b>		
Mua hộ phần mềm cho HAAL		223,000,000
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu của HAAL		13,713,022,482

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Mua hộ phần mềm cho HAGS		223,000,000
Phải trả về cung cấp dịch vụ	8,115,170,158	6,644,163,635
<b>Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs (Macs)</b>		
Trả cổ tức	1,546,875,000	1,546,875,000
<b>Công ty Cổ phần Hải Minh</b>		
Trả cổ tức		412,500,000
<b>Công ty Cổ phần Transimex</b>		
Trả cổ tức	4,414,385,000	6,836,235,000
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu		574,105,453
Sử dụng dịch vụ khác		29,840,909
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà</b>		
Trả cổ tức	3,045,000,000	3,045,000,000
Chi phí thuê văn phòng	2,404,410,912	1,689,183,600
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu		876,070,000
Sử dụng dịch vụ khai thác dịch vụ đại lý		360,900,602
Sử dụng dịch vụ khác		163,718,225
<b>Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải</b>		
Trả cổ tức	1,242,811,000	1,740,601,000
<b>Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức</b>		
Trả cổ tức	300,330,000	300,330,000
Phải trả phí làm thủ tục hải quan	5,839,660	
<b>Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng</b>		
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu		297,600,000
<b>Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh</b>		
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu		1,310,420,909
<b>Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương</b>		
Trả cổ tức		1,300,320,000
<b>Công nợ với các bên liên quan khác</b>		

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

#### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Cộng
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	266,816,519,707	129,266,602,641	83,610,224,447	479,693,346,795
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>266,816,519,707</b>	<b>129,266,602,641</b>	<b>83,610,224,447</b>	<b>479,693,346,795</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	82,257,322,652	11,739,633,428	24,628,715,065	118,625,671,145
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(23,949,488,434)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				94,676,182,711
Doanh thu hoạt động tài chính				15,566,119,108
Chi phí tài chính				(9,853,120,282)
Thu nhập khác				17,367,044,774
Chi phí khác				(264,741,901)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(13,762,123,567)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>103,729,360,843</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>5,291,560,000</b>	<b>219,948,050,022</b>	<b>3,064,627,046</b>	<b>228,304,237,068</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>45,160,453,888</b>	<b>2,066,457,032</b>	<b>4,602,539,844</b>	<b>51,829,450,764</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Năm trước**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	174,039,305,608	233,549,125,466	43,954,267,424	451,542,698,498
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>174,039,305,608</b>	<b>233,549,125,466</b>	<b>43,954,267,424</b>	<b>451,542,698,498</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	112,460,111,576	39,732,570,953	8,240,563,071	160,433,245,600
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(22,096,923,940)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				138,336,321,660
Doanh thu hoạt động tài chính				20,015,483,680
Chi phí tài chính				(4,875,194,604)
Thu nhập khác				1,523,070,929
Chi phí khác				(932,029,591)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(16,173,650,197)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>137,894,001,877</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>12,587,161,046</b>	<b>613,977,717</b>	<b>723,017,224</b>	<b>13,924,155,987</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>44,003,538,227</b>	<b>22,487,443,279</b>	<b>4,870,411,656</b>	<b>71,361,393,162</b>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	523,876,093,037	272,602,900,115	48,967,401,158	845,446,394,310
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				262,611,548,974



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>Tổng tài sản</b>				<b>1,108,057,943,284</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	24,075,453,939	108,224,961,220	13,769,122,237	146,069,537,396
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				57,226,679,344
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>203,296,216,740</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	269,495,527,060	2,610,737,445	28,706,047,122	300,812,311,627
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				490,665,311,752
<b>Tổng tài sản</b>				<b>791,477,623,379</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	61,725,706,773	772,692,557	52,581,389,399	115,079,788,729
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				31,398,265,949
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>146,478,054,678</b>

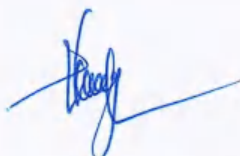
**2b. Thông tin về khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

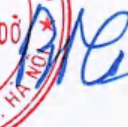

**Trần Thị Thanh Hảo**

Kế toán trưởng


**Phạm Thị Hồng Nhung**

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Tổng Giám đốc



**Vũ Thanh Hải**